

QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH

(Ban hành theo Quyết định Số: QĐ/Vcom/HĐQT/13 do Chủ tịch HĐQT Công ty ký ngày..... tháng 05 năm 2013)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1.1. Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý, là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của công ty Cổ phần Cấp -Nhựa Vĩnh Khánh.

1.2 Để thực thi một chính sách rõ ràng về Quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Công ty, Quy Chế này quy định:

- a, Những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- b, Thẩm quyền, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động của các cán bộ quản lý, điều hành trong Công ty;
- c, Thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành cùng cán bộ quản lý cấp cao.
- d, Quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý cấp cao khi tham gia vào quá trình quản trị của Công ty. Đồng thời, Quy Chế là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

2.1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy Chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

a. **Quản trị công ty** là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.

b. **Người có liên quan** Theo quy định tại Điều 1 của Điều lệ Công ty là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và các đối tượng khác được quy định tại các quy chế có liên quan của Công ty.

c. Điều lệ: Là văn bản ghi những điều khoản quy định mục đích, nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được thông qua hợp lệ bởi Đại hội đồng cổ đông.

d. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”): Là một hội nghị lớn bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc ủy quyền biểu quyết các vấn đề quan trọng của Công ty; là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

e. Hội đồng quản trị (“HDQT”): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

- **Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- **Thành viên Hội đồng quản trị độc lập** là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

+ Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

+ Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;

+ Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;

+ Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;

+ Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

g. Ban kiểm soát (“BKS”): Là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HDQT và cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

h. Cán bộ quản lý: Theo quy định tại Điều 1 của Điều lệ bao gồm Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cấp quản lý do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

i. Cổ đông lớn: là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty.

2.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Tuân thủ luật pháp hiện hành và thông lệ xã hội;

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Công khai và minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị phải đảm bảo việc đề ra định hướng chiến lược cho Công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như việc điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Hội đồng quản trị có ít nhất 1/3 thành viên là độc lập.
- Ban kiểm soát là cơ quan đại diện cho cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành công ty. Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty.

Điều 4: Quy tắc đạo đức kinh doanh

Quy tắc đạo đức kinh doanh (hay còn gọi là “Quy tắc ứng xử”) của Công ty là định hướng cơ bản về cách ứng xử, nói lên trách nhiệm và bổn phận của các cấp quản lý và nhân viên của Công ty đối với các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm các nhân viên, khách hàng, đối tác kinh doanh, cổ đông, người tiêu dùng, pháp luật, các cơ quan nhà nước và xã hội bên ngoài.

-Quan hệ chuyên môn: Nỗ lực xây dựng uy tín, lòng tin, thiện cảm đối với mọi cá nhân, tổ chức thông qua không ngừng nâng cao tính hiệu quả, năng lực, tiềm năng phát triển và sáng tạo;

- Tôn trọng và cạnh tranh lành mạnh với tất cả các đối tác cùng kinh doanh cùng ngành nghề;

- Chống gian lận thương mại dưới mọi hình thức kể cả hối lộ để được lợi thế cạnh tranh.

- **Quan hệ cổ đông:** Điều lệ Công ty phải xác lập và quy định rõ ràng về các mối quan hệ, vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cổ đông và các vấn đề liên quan đến cổ đông trên nguyên tắc công khai và minh bạch.

- **Quan hệ với người lao động:** Tuân thủ Luật Lao động hiện hành về tuyển dụng, ký kết HĐLĐ, tham gia BHXH, BHYT, BHTN, kỷ luật lao động, cho thôi việc và sa thải nhân viên làm việc trong công ty. Đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh lao động

- Đối xử bình đẳng với tất cả người lao động từ khâu tuyển dụng, cơ hội làm việc và thăng tiến chuyên môn. Động viên khen thưởng cá nhân, phòng, ban hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đồng thời kỷ luật họ khi có sai phạm, hình thức xử lý kỷ luật tùy theo mức độ sai phạm.

- Tuân thủ luật pháp và quan hệ cộng đồng:

- Việc tuân thủ luật pháp là điều bắt buộc và có ý thức tự nguyện thực thi : Các quy phạm về kinh doanh sản xuất (Luật Doanh nghiệp, Luật Thương Mại), về nghĩa vụ tài chính (Các Luật về Thuế), về Tài nguyên- Môi trường (Các Luật Môi trường, Luật PCCC, Quy định về an toàn lao động vệ sinh lao động, đăng kiểm...), về lao động tiền lương (Luật Lao động và các quy định về tiền lương), về chất lượng sản phẩm (Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật bảo vệ người tiêu dùng...).v.v.. ;

- Đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh không làm ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh, tạo mối quan hệ hữu hảo thông qua các hoạt động phong trào xã hội, đoàn thể.

Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

đ) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật

3. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu tổ chức công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;

b. Cổ đông được đối xử công bằng.

c. Các cổ đông nhỏ lẻ còn được bảo vệ quyền của mình thông qua hành động tập thể. Hành động tập thể là một nhóm các cổ đông thiểu số, không có được một quyền nào đó khi đứng riêng rẽ, có thể kết hợp lại với nhau để có được số phiếu biểu quyết ở một mức nhất định để có thể cùng nhau có được quyền đó.

Điều 6. Chính sách cổ tức của Công ty

6.1 Quyền nhận Cổ tức:

Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính. Nhận cổ tức là một trong các quyền của cổ đông.

6.2 Phương thức thanh toán cổ tức:

Cổ tức sẽ được chi trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu của Công ty được quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

Nếu chi trả bằng cổ phiếu của Công ty, việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức phải được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn. Hội đồng quản trị phải trình Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cùng với báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước khi thực hiện việc phát hành.

6.3 Thủ tục và trình tự chi trả cổ tức:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và các kế hoạch đầu tư của Công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm đề xuất mức cổ tức và phương thức chi trả cổ tức hàng năm đối với từng loại cổ phần để trình Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.

Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua mức cổ tức hàng năm đối với mỗi loại cổ phần nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.

Căn cứ vào sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ quyết định và thông báo về mức chi trả và hình thức chi trả cổ tức, tần suất chi trả (số lần cổ tức được chi trả trong năm).

Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức căn cứ vào sổ đăng ký cổ đông hoặc danh sách cổ đông của Trung tâm lưu ký chứng khoán tại ngày chốt quyền nhận cổ tức. Ngày chốt quyền nhận cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Thực hiện công bố thông tin về việc chi trả cổ tức: loại cổ phần, tỷ lệ cổ tức, ngày chốt quyền, thời gian và thủ tục thanh toán cổ tức. Thực hiện chi trả cổ tức theo công bố.

Điều 7. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều lệ công ty

1. Điều lệ công ty không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Điều lệ công ty được xây dựng trên tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục của Thông tư 121/2012/BTC, Bộ tài chính ký ngày 26 tháng 7 năm 2012 và có hiệu lực kể từ ngày 17/9/2012.

Điều 9. Trình tự thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Đại Hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 13 Điều lệ Công ty. Một số quy định khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông được thiết lập như sau:

1. Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông tại Điều 17 bản Điều lệ, gồm các nội dung chính sau:

a. Lập chương trình nghị sự, bao gồm các dự thảo Báo cáo tài chính, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Kiểm soát, các thuyết trình Dự án, hay báo cáo cần sửa đổi.v.v. mà theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ quy định phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Chốt danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng;

c. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Chương trình nghị sự, các dự thảo báo cáo, ngày giờ, địa điểm Đại hội.v.v. được quy định tại Điều 17 bản Điều lệ.

2. Tiến hành Đại hội cổ đông và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

a. Kiểm tra tư cách cổ đông: Cổ đông và các đại diện được ủy quyền có quyền tham dự Đại hội và được quy định tại Điều 15 bản Điều lệ Công ty. Ban tổ chức Đại hội kiểm tra và thống kê số đại biểu và sở hữu cổ phần tham dự Đại hội;

b. Các điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông được quy định tại Điều 18 bản Điều lệ Công ty. Sau khi Thư ký công ty hay người của Ban tổ chức Đại hội thông báo đủ điều kiện tiến hành Đại hội, chủ tọa (Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế khi Chủ tịch vắng mặt) sẽ khai mạc Đại Hội.

c. Bầu Ban kiểm phiếu

- Khoản 2 Điều 19 bản Điều Lệ quy định về Ban kiểm phiếu, thể biểu quyết và cách tiến hành biểu quyết tại Đại Hội Đồng cổ đông;

- Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, không phải là thành viên Ban Tổng giám đốc và ứng cử viên thành viên Ban Tổng giám đốc;

- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc Đại Hội. Báo cáo này sẽ được cung cấp cho các cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Công ty và bằng bản in tại văn phòng trụ sở chính của Công ty. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối bằng chữ viết ngay dưới báo cáo kết quả kiểm phiếu.

- Thư ký công ty lưu bảo mật các kết quả kiểm phiếu biểu quyết này cùng với Biên bản Đại hội.

3. Biên bản Đại hội và Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

a. Trong suốt thời gian diễn ra Đại Hội, bắt đầu từ Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, diễn văn khai mạc và thông qua chương trình nghị sự của Chủ tọa, Thư ký công ty hoặc Ban thư ký Đại hội (Theo yêu cầu của chủ tọa hay của đa số cổ đông tham dự Đại Hội) phải ghi chép rõ ràng trình tự diễn biến, nội dung báo cáo, thảo luận, biểu quyết và kết quả biểu quyết của từng vấn đề một theo trình tự. Các quy định bắt buộc về biên bản Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 bản Điều lệ Công ty.

b. Cuối cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Thư ký công ty hoặc Ban thư ký Đại hội có trách nhiệm tổng kết các vấn đề đã được Đại Hội biểu quyết thành một Quyết nghị.

Quyết nghị này được đọc lại cho toàn thể Đại Hội thẩm tra lại và duyệt tán thành. Quyết nghị được Đại Hội tán thành sẽ là Nghị Quyết của Đại Hội. Việc thông qua quyết nghị của Đại Hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 bản Điều lệ Công ty.

4. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm (Khoản 2, Điều 13 bản Điều lệ Công ty).

5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 bản Điều lệ Công ty.

6. Tất cả trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông.

Chương III:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Trình tự thủ tục đề cử, bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm Họ tên, ngày tháng năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có); Các thông tin khác (nếu có).

Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 24 bản Điều lệ Công ty. Số lượng thành viên là 05 (năm) và giữ nhiệm kỳ 05 (năm) năm. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập là 02 đúng theo quy định.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế của Quy chế nội bộ quản trị này:

- Đề cử người trong các **Cán bộ quản lý** của Công ty tham gia vào Hội đồng quản trị ;
- Rút bớt số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ. Nếu số thành viên là số chẵn thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định biểu quyết tán thành hay không tán thành khi xảy ra trường hợp 50% đồng thuận 50% không đồng thuận;
- Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 13. Trình tự thủ tục miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

- Công ty đại chúng cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty tại Điều 24, khoản 4, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 24, khoản 4 Điều lệ công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 14. Quyền hạn, Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty quy định tại Điều 25, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

7. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);
- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 16. Họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 27 Điều lệ của công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

4. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 17. Thù lao của Hội đồng quản trị

Thù lao, và các chi phí mà thành viên Hội đồng quản trị được nhận theo quy định tại khoản 7,8,9,10 Điều 25 bản Điều lệ Công ty.

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 18: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Mỗi khi quy mô Công ty được mở rộng Hội đồng quản trị sẽ thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

1. Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị có thể được xác lập theo Điều lệ bao gồm:

- Tiểu ban chính sách phát triển
- Tiểu ban nhân sự
- Tiểu ban lương thưởng
- Và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.

3. Hiện tại Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

a) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách về nhân sự có trách nhiệm là :

- Góp ý kiến đối với các đề xuất về đề cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý dựa trên các tiêu chí về phẩm chất và năng lực được quy định trong Điều Lệ và Quy chế này.

- Chủ trì việc xây dựng Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, định mức lao động và việc thực hiện ký hợp đồng lao động v.v. với Tổng giám đốc điều hành và Chủ tịch Công đoàn Công ty;
- Chủ động xây dựng và đề xuất với Hội đồng quản trị về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng Cán bộ quản lý cấp cao. Đề xuất việc tuyển chọn và bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, Tổng Giám đốc điều hành thuê ngoài;
- Định kỳ (tối thiểu là mỗi năm hai lần) đánh giá quy mô và thành phần của Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý, các điều kiện bổ nhiệm và đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi cần thiết để trình lên Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội tiếp theo;
- Xây dựng quy trình đánh giá hoạt động và các tiêu chí đánh giá của Hội đồng quản trị và đánh giá tính hiệu quả các thành viên của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 24 của Quy chế này. Quy trình đánh giá hoạt động và các tiêu chí đánh giá này cũng được áp dụng cho cả Tổng giám đốc điều hành và Bộ máy quản lý.

b) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách về lương thưởng có trách nhiệm là :

- Đề xuất về chính sách thù lao (lương thưởng và các lợi ích khác) đối với các thành viên Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị góp ý, xem xét sự phù hợp với từng thời kỳ trước khi trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua;
- Đề xuất về chính sách về lương thưởng và các lợi ích khác đối với các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty;
- Định kỳ (mỗi năm ít nhất hai (02) lần) đánh giá quy mô và cơ cấu lương thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị và Bộ máy quản lý và đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi cần thiết để trình lên Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội tiếp theo.
- Đề xuất hình thức khen thưởng, mức độ khen thưởng. Đề nghị các cá nhân (các thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý cấp cao) và tập thể (Hội đồng quản trị, Bộ máy quản lý) được khen thưởng hoặc bị thi hành kỷ luật được quy định tại Điều 25 của Quy chế này.

Thành viên phụ trách lương thưởng phải liêm chính và nắm vững những nguyên tắc cơ bản về kinh tế, tài chính và Luật lao động, Luật thi đua khen thưởng và kỷ luật.

Tất cả các quy định về thù lao, về tiền lương (bao gồm cả các phụ cấp và lương tháng 13), các chi phí về thưởng, mua bảo hiểm, công tác phí.v.v. được quy định một trong các văn bản của Công ty mang tính pháp lý như Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tài chính, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Hợp đồng lao động và một số quy chế do Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị ban hành đúng luật hoặc thông lệ được xác lập là các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ của Công ty.

Chương IV: CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 19: Tổ chức bộ máy quản lý và cán bộ quản lý

1. Tổ chức bộ máy quản lý được quy định tại Điều 28 bản Điều lệ công ty. Hiện tại Công ty đang có cơ cấu tổ chức gồm một Tổng Giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc được gọi chung là Ban Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

2. Cán bộ quản lý: Được quy định tại Điều 29 bản Điều lệ công ty

- Mỗi chức danh quản lý ít nhiều đều gắn liền với một nghề nghiệp chuyên môn tương ứng, đòi hỏi người phụ trách phải có đào tạo, có kỹ năng tổ chức, kinh nghiệm và năng lực. Ngoài ra người làm quản lý phải cần có tư cách, đạo đức để tạo uy tín, lòng tin với nhân viên và cổ đông, gắn chặt họ thành một khối thống nhất, tạo sức mạnh nội lực và cùng nhau tiến lên. Vì vậy việc tuyển dụng cán bộ quản lý đòi hỏi phải qua sát hạch và tuân thủ một số yêu cầu nhất định tùy theo từng chức danh.

- Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh kiêm nhiệm Phó Tổng giám đốc thường trực được Tổng giám đốc ủy quyền thay mặt điều hành toàn bộ mọi hoạt động của Công ty khi Tổng giám đốc vắng mặt hoặc bận giải quyết các công việc của HĐQT.

- Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất được giao trách nhiệm quản lý điều hành khối sản xuất của công ty.

- Tiêu chuẩn để chọn và bổ nhiệm Kế toán trưởng là phải có chứng chỉ Kế toán trưởng, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 05 năm với chức danh tương đương (KTT hoặc KT Tổng hợp), và không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 51 Luật Kế toán. Kế toán trưởng được giao trách nhiệm phụ trách mảng tài chính- kế toán của công ty. Kế toán trưởng làm việc và tuân thủ theo Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán theo luật hiện hành.

- Các chức danh khác, tùy theo từng chức danh Công ty định ra các tiêu chuẩn tuyển dụng và bổ nhiệm riêng.

3. Sơ đồ tổ chức và trách nhiệm quyền hạn của cán bộ quản lý được quy định trong Sổ tay chất lượng của Công ty. Ngoài ra khi tuyển dụng các danh công ty đều lập Bản mô tả công việc trong đó có quy định Quan hệ công việc.

Điều 20: Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành được quy định tại Điều 30 Bản Điều lệ Công ty. Tổng giám đốc công ty không được đồng thời làm Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

3. Sau khi các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn khởi đầu cho một nhiệm kỳ mới, việc đầu tiên của Hội quản trị là nhóm họp để bầu chọn Chủ tịch Hội đồng và phê duyệt bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành. Tổng giám đốc điều hành là người có uy tín trong và ngoài công ty, đủ năng lực chuyên môn và hành vi quản lý Công ty thông qua kinh nghiệm và bản lĩnh thương nhân. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 (ba) năm.

Điều 21. Thư ký công ty

Thư ký công ty được quy định tại Điều 31 bản Điều Lệ công ty.

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương V : QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Điều 22. Ban kiểm soát

1. Tư cách thành phần thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 32 bản Điều Lệ công ty, và được cổ đông bầu trong Đại hội đồng cổ đông . Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

2. Trách nhiệm, nghĩa vụ và thù lao của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 33 bản Điều lệ công ty. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các Khoản 3, điểm e, và Khoản 4, điểm b, điểm c Điều 13 của Bản Điều lệ Công ty. Ngoài ra Ban kiểm soát phải có trách nhiệm trình bày Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1, điểm c, Điều 14.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

4. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty niên yết.

Điều 23. Quy chế phối hợp

1. Nguyên tắc chung: Xác định nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và một số cán bộ quản lý cấp cao khác trong công ty. Tất cả các thành phần vừa nêu phải có trách nhiệm:

- Trách nhiệm thận trọng: Được quy định tại Điều 34 bản Điều Lệ công ty;
- Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi: Được quy định tại Điều 35 bản Điều Lệ công ty;
- Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường: Được quy định tại Điều 36 bản Điều Lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;
- Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;
- Các trường hợp Tổng giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Tổng giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành;
- Các vấn đề Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

-Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

3. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành,

cán bộ quản lý khác. Vì vậy Ban Kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp quan trọng (cuộc họp mở rộng) của Hội đồng quản trị để nêu ý kiến và khi cần là bảo lưu ý kiến của mình nhưng không có quyền tham gia biểu quyết các nội dung thông qua trong các cuộc họp này. Đối với Tổng giám đốc điều hành và một số cán bộ quản lý cấp cao, Ban kiểm soát mà đứng đầu là Trưởng Ban có quyền yêu cầu được làm việc, xuất trích hồ sơ tài liệu nếu xét thấy cần thiết phục vụ lợi ích cho cổ đông. Các cuộc họp quan trọng của Công ty do Tổng giám đốc chủ trì phải có mời Trưởng Ban hoặc cả Ban kiểm soát tham dự và cho ý kiến.

4. Khi xét thấy có sự sai lệch, không đúng với luật pháp hiện hành và thông lệ xã hội của Hội đồng quản trị, hay của Ban kiểm soát hoặc của Tổng giám đốc điều hành thì bên phát hiện sai trái phải đề xuất triệu tập cuộc họp giữa ba bên để lắng nghe giải trình và chỉnh lý sửa sai trên tinh thần tôn trọng ý kiến của nhau nhưng không được sai luật và Điều lệ quy định. Nếu không đi đến thống nhất chung, vấn đề sẽ được giải quyết trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

5. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty. Do đó Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.

CHƯƠNG VI:

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24: Đánh giá hoạt động

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Bộ máy quản lý.

* Tiêu chuẩn đánh giá của tập thể (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bộ máy quản lý) và các cá nhân bao gồm:

- Mức độ hoàn thành công việc được giao phụ trách;
- Sự nỗ lực để đạt được kết quả, mục đích và yêu cầu của công việc;
- Sai phạm khuyết điểm (nguyên nhân chủ quan/ khách quan) và cách khắc phục hậu quả;
- Thành tích đạt được trong năm;
- Kết luận đánh giá (mức độ hoàn thành công việc A,B,C) và kiến nghị yêu cầu.

* Hình thức đánh giá:

- Cá nhân: Tự viết bản đánh giá và tự nhận mức độ hoàn thành công việc, trình bày trong cuộc họp, các thành viên tham gia góp ý, chủ tọa kết luận cuối cùng.

- Tập thể: Do người đứng đầu tổ chức (Chủ tịch, Tổng giám đốc điều hành, Trưởng Ban Kiểm soát) tự đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân và mức độ thực hiện nhiệm vụ được phân nhiệm của tập thể.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các cấp quản lý điều hành với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động của từng thành viên và tập thể Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của Thành viên Ban kiểm soát và Ban kiểm soát được tổ chức thực hiện theo phương thức như trên nhưng phải được quy định trong quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động Tổng giám đốc điều hành cũng theo tiêu chuẩn và hình thức đánh giá thống nhất nhưng chính Tổng giám đốc điều hành phải trình bày bản tự đánh giá của mình trong cuộc họp mở rộng có Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát tham gia góp ý. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa cho kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành công việc của Tổng giám đốc.

Điều 25: Khen thưởng- Kỷ luật

1. Cá nhân hoặc tập thể hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm sẽ được khen thưởng. Hình thức khen thưởng có thể bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu của Công ty. Danh sách được khen thưởng, hình thức và mức độ khen thưởng do Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách về lương thưởng của Hội đồng quản trị soạn thảo và được Hội đồng quản trị thông qua trong cuộc họp.

2. Nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan (Khoản 8, 10 Điều 25; Khoản 2 Điều 29; Khoản 4 Điều 33 của Bản Điều lệ công ty).

3. Cá nhân và tập thể nào không hoàn thành nhiệm vụ hoặc phạm phải sai lầm do chủ quan gây thiệt hại về kinh tế, uy tín của công ty tùy theo mức độ sẽ bị kỷ luật:

- Các hình thức và mức độ kỷ luật bao gồm

- + Nhắc nhở, hạ mức tín nhiệm trong cuộc họp;
- + Kiểm điểm;
- + Miễn nhiệm.

Danh sách được kỷ luật, hình thức và mức độ kỷ luật do Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách về nhân sự soạn thảo và được Hội đồng quản trị thông qua trong cuộc họp. Trường hợp miễn nhiệm hoặc cách chức các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông qua biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Đối với một số cán bộ quản lý cấp cao tại công ty, việc thi hành khen thưởng hoặc kỷ luật do Tổng giám đốc điều hành quyết định nhưng không được sai luật.

Chương VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 27. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 28. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Chương VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 29. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và tổ chức công bố thông tin của Công ty được quy định tại Điều 43 bản Điều lệ công ty.

2. Báo cáo thường niên của Công ty được quy định tại Điều 44 bản Điều lệ công ty.

3. Chế độ kế toán được áp dụng tại công ty được quy định tại Điều 42 bản Điều lệ công ty.

Điều 30: Kiểm toán công ty

1. Các Báo cáo tài chính của Công ty phải được thuê công ty kiểm toán độc lập kiểm toán để chứng minh tính minh bạch và đúng chuẩn mực trong các phát sinh tài chính của công ty;

2. Việc thực hiện kiểm toán và các vấn đề liên quan đến kiểm toán được quy định tại Điều 45 bản Điều lệ công ty.

Điều 31. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Ngoài ra, công ty cũng công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. .
4. Việc công bố thông tin được thực hiện trên website của công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành

Ngoài các quy định tại khoản 3 Điều 26 Quy chế này các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Chương IX: THỰC HIỆN

1. Những vấn đề khác không được nêu ra trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh theo Điều lệ công ty và các qui định khác của pháp luật.
2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được áp dụng trong mọi phạm vi và cấp độ hoạt động của Công ty cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

